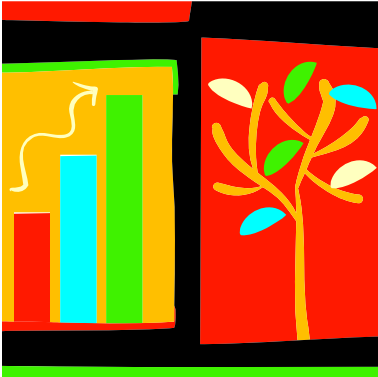


Tập truyện ngắn Trương Văn Tú



Thuyền Nhân - Chiếc Ghe Mang Số VT206

(trong một trang nhật ký)

Tôi nhìn qua hàng rào dây kẽm gai, từ trong một trại tị nạn đầy đầy người và hơi ngột. Mặc dù là vậy, nhưng tôi cảm thấy thoải mái hơn vì mặt trời cũng đã ngả bóng, lại thêm chiếc lều tị nạn của tôi nó nằm sát dọc bờ biển, gió biển chậm chậm thổi vào.

Màn đêm đang phủ xuống, bên cạnh lều tôi cách khoảng hơn mười bước là một bàn thờ Phật Bà. Bàn thờ hướng về biển Đông, nơi mà người ta nghĩ rằng có thể cầu vái linh thiêng hơn. Hương khói ngút ngàn, nhất là vào ngày mồng một và ngày rằm. Người đến cầu xin cho mình thì nhiều; còn người thành tâm cầu nguyện và có được tâm Phật thì chắc có lẽ ít lắm.

Trước mắt tôi là biển cả mênh mông. Vùng biển cả này đã một lần tôi và gia đình tôi cùng các em lênh đèn trên ấy. Bây giờ thì tôi có cảm giác ớn lạnh nếu tôi đi trở lại với chiếc thuyền con 45 mã lực chứa hai trăm mấy người chen chúc trên ấy. Bây giờ tôi không thấy biển cả là đẹp, là thơ mộng nữa! mà là một sự khủng khiếp, và kinh hoàng

....

Đêm bây giờ buông xuống; sóng vỗ ì ạch vào bờ. Tôi lấy làm lạ là tại sao những đợt sóng lại phát ra những ánh sáng. Ánh sáng tôi biết chắc rằng không phải bởi vùng trắng trên đầu vì tôi biết hôm nay không có ánh trăng nào cả. Có người bảo tôi bởi vì nước biển mặn. Điều này có lẽ đúng bởi lẽ chất muối của biển là tinh thể khối hoàn hảo của sodium chloride (NaCl) tạo thành ánh sáng hay dạ quang (luminescence), và có lẽ bởi những nhân tố khác.

Từng đợt, từng đợt sóng phát ra nguồn sáng xanh rợn. Chiếc tàu mang số VT206 chở đầy dân vượt biển mà ngày hôm trước họ cũng vắt vả nhảy vào bờ cũng như tôi trong vài tháng trước, vẫn còn nằm dài trên bãi cát. Phần sau chiếc đuôi tàu thì chìm lỉm dưới mặt biển. Nhưng phần đầu chiếc tàu thì vẫn còn ngoi ngóp trên mặt cát. Chiếc tàu bị huỷ hoại sau khi các thuyền nhân đã lên bãi. Họ làm thế để tránh chính quyền địa phương kéo ngược họ ra biển. Số mệnh của những thuyền nhân vượt biển này không biết ra sao, nhưng trước mắt họ vẫn còn ở ngoài bãi nằm rải rác và cách chiếc tàu của họ khoảng 200m.

Người ta không biết số mệnh mình sẽ ra sao khi bắt đầu cuộc phiêu lưu mà biển cả sẽ sẵn sàng nuốt chửng mạng sống họ; nhưng trước mắt là cuộc sống khốn khổ, cùng cực, và khủng bố của một chế độ với chính sách hà khắc của một chính quyền mới. Họ phải ra đi dù không biết mạng sống của họ sẽ phải thế nào đi nữa. Nhiều người đã phải bỏ mạng vì tìm tự do, và vì cuộc sống an lành. Họ đã làm mồi ngon cho biển cả, và đàn cá mập đói khát. Họ còn những cái không ngờ là họ sẽ là miếng mồi ngon cho bọn cướp biển Thái Lan nữa; cũng sẽ là đối tượng của bọn cướp biển Thái Lan làm ô nhục danh tiết, đôi khi lại phải mang cả chứng bệnh phong tình, hoa liễu một

cách đắ dĩ và với nhữnɡ cái bào thai nghiệt ngã phải trự đĩ để thôi nó sẽ mang vào ngàn năm ác mộng trong cuộc đời. (Tỉ lệ người bị mắc phải phong tình trong trại tị nạn gia tăng theo môi trường sinh hoạt trong trại. Thống kê này căn cứ theo lời của nhân viên y tế Liên Hiệp Quốc ở trại và nơi khác.)

Một câu chuyện của Khổng Phu Tử làm tôi nhớ lại khi ông ta đi ngang một rừng hoang thì thấy một thiếu phụ đang khóc lóc với ba cái mộ xanh. Ông ta mới hỏi người thiếu phụ “Tại sao bà khóc thê thảm vậy? Mà lại lẩn từ mộ này qua mộ khác?” Bà ta trả lời: “Đây là mộ của ba chồng tôi, còn đây là mộ của chồng tôi”. Phu Tử lại hỏi tiếp: “Làm sao họ lại chết?”. Bà goá phụ trả lời: “Họ đều bị cạp vật chết.” Phu Tử lại hỏi tiếp: “ Thế còn cái mộ mới xanh kia là của ai?” Bà goá phụ trả lời: “Đấy là cái mồ của con trai tôi.” Phu Tử lấy làm lạ lại hỏi tiếp: “Thế tại sao hán lại chết?” Bà goá phụ lại trả lời: “Con tôi cũng bị cạp vật chết.” Phu Tử lại lấy làm lạ, không ngăn được sự thắc mắc và tò mò nên lại hỏi tiếp: “ Thế bà đã biết vậy tại sao không ra ngoài thành thị mà ở, mà lại ở nơi rừng thiêng, cạp dữ như thế này?” Bà goá phụ lại trả lời: “Ông không biết ở ngoài ấy đầy sự khủng bố, hành hạ, đói khát, thuế má, của các quan huyện, chính quyền. Gia đình tôi ở nơi thâm sơn cùng cốc này đây với cạp dữ nhưng mà vẫn thấy yên tâm hơn.” Câu chuyện cho thấy đấy là lý do của những người vượt biển. Chính sách hà khắc vẫn còn hơn con cạp dữ.

Chiếc ghe vượt biển VT206, sau cả tháng trời ở ngoài bãi, các thuyền nhân của ghe này lại bị lôi lên chiếc ghe đánh cá khác và bị đưa trở ra ngoài biển do chính quyền địa phương Mã Lai, bởi lẽ chiếc VT206 này không còn sử dụng được nữa. Chiếc ghe đánh cá

“mới” này chắc có lẽ được để lại do những người vượt biển khác(?). Với số tàu VT tôi nghĩ chiếc ghe chắc phải phát xuất từ Vũng Tàu. Nếu thật là vậy, thì ít nhất họ phải cơ cực lênh đênh trên mặt biển hơn 10 ngày mới đến được nơi này. Một lần nữa họ lại phải lênh đênh trôi trên mặt biển với chiếc ghe cá “mới”. Duy nhứt chỉ còn một người bị bệnh đang nằm ở bệnh viện nếu không hẳn cũng phải cùng số phận như những người khác.

Vài hôm sau, căn cứ theo lời của nhân viên Cao Ủy Liên Hiệp Quốc cho biết chiếc ghe này đã được tàu Ý vớt đi và tất cả những thuyền nhân này sẽ được định cư ở Ý. Người đang ở lại trong trại tị nạn đang được chữa trị này cũng sẽ được xum họp với gia đình một ngày gần đây. Thật sự tôi không hiểu tại sao họ lại đẩy những người tị nạn này ra biển rồi lại được tàu Ý vớt được. Phải chăng đây là một sự sắp sắn của chính quyền địa phương, hay là một sự may mắn ngẫu nhiên? Dầu sao, tôi thành tâm chúc phúc cho họ với những điều may mắn tốt lành và mong đó là sự thật.

Trương Văn Tú

Cherating Camp, Kuantan, Malaysia

20 Tháng 7, 1979

Tập truyện ngắn Trương Văn Tú

Thuyền Nhân – Cho Tôi Một Dòng Cảm Xúc

Thật sự tôi không dám quay về quá khứ cái mà người ta gọi là thuyền nhân. Chỉ có những người thật sự đã vượt biển Đông mới có sự sợ hãi và cảm xúc mạnh khi nhìn thấy những tấm hình, hay những bức tượng trên đài kỷ niệm, hay những bài ca, videos đầy nước mắt.

Cuốn Paris by Night "30 Năm Viễn Xứ" mà vợ tôi mua với tác phẩm "Đêm Chôn Dầu Vượt Biển" mở đầu của chương trình do Như Quỳnh trình diễn cùng với như bối cảnh cha lìa con, chồng lìa vợ, ... trong một đêm khuya thanh vắng ở một góc nào của cửa biển. Lời ca, tiếng hát, và bối cảnh cứ đập mạnh vào đầu óc tôi, khơi dậy tiềm thức sâu thẳm kia đã nằm yên lặng hơn ba mươi năm. Tôi chỉ xem đoạn đầu thôi, nhưng rồi tôi phải vội vã bỏ đi nơi khác. Bởi lẽ, hình như dòng nước mắt muốn chực trào ra mà tôi sợ tôi không ngăn kịp. Tôi không muốn lòng tôi phải tiếp tục nặng trĩu với những u sầu này bởi vì tôi phải còn lo bươn chải hằng ngày với cuộc sống ở nơi đất khách quê người. Cứ cho là tôi quên đi quá khứ chứ nếu không tôi vẫn tiếp tục nhớ những cô gái mang thai bất đắc dĩ với những tên

hải tặc dã man. Cứ không tôi vẫn nhớ thảm cảnh của người cậu thân yêu rớt xuống biển đông vô tận bởi cái dao răng để dùng chặt nước đá nghiệt ngã. Cứ không tôi vẫn nhớ những năm tháng vô tận đứng ngồi chờ những thùng nước sắp dài ròng rọc trong trại tị nạn.

Tôi vẫn nghĩ, tôi là người đại phước trong cuộc vượt biển kinh hoàng này. Tôi và gia đình tới bến một cách bình an, vô sự. Những năm tháng dài đằng đẳng, con tôi chưa đầy thôi nôi khi vừa lên đảo. Vừa lúc mười tám tháng, Mẫn, con gái đầu lòng của tôi, mắc phải bệnh viêm phổi (double pneumonia). Tôi nghĩ rằng nó phải vong mạng ở trên bán đảo Malaysia này cũng như trăm đứa trẻ khác, đứa thì mắc phải sốt xuất huyết, đứa thì bị viêm phổi, đứa thì bị sốt rét,.... Nói cho đúng ra những chứng bệnh này không là những chứng bệnh nan y theo y học hiện đại, mà là điều kiện y tế không có. Cái phước lại đến với tôi. Trong thời kỳ nguy kịch, tôi được lệnh đi nước thứ ba. Và con tôi kịp thời chữa trị.

Mặc dù sự may mắn đến với tôi trong những ngày tháng đó, nhưng nó không có nghĩa là tôi quên được những niềm đau và uất hận của những thuyền nhân khác. Những gì tai nghe mắt thấy vẫn hình như muôn đời nằm kín trong tiềm thức tôi cho dầu tôi không muốn làm chứng nhân của bi kịch này.

Những ngày trong trại tị nạn tôi bao giờ cũng ấp ủ một niềm tin mãnh liệt rằng "Cuối đường hầm là cây xanh bóng mát, cuối đêm dài là ánh sáng của rạng đông". Ánh sáng bây giờ của tôi đã quá trưa, không còn là rạng đông nữa. Nhưng tôi hy vọng nó vẫn muôn đời là ánh

sáng rạng đông của thế hệ sau.

*Một dịp tình cờ ai lại nhắc,
Ác mộng biển đông khắc khoải lòng.
Năm dài tháng vắng mong phai nhạt,
Sao ai nhắc lại chuyện đau thương.*

Tác giả: Trương Văn Tú

San Jose, CA

14 Tháng 2, 2009

Tập truyện ngắn Trương Văn Tú

Chiến Tranh Việt Nam - Một Góc Nhỏ

Vì cần gấp giấy tờ để nộp cho nhà trường nên tôi phải về Sadece và lên ngay chiều hôm nay. Tôi vội vã trở lên Sài Gòn trên chuyến xe Sadece-Sài Gòn và phải ngồi tụt ở băng cuối để có thể bắt kịp cho lớp ngày mai. Chiếc xe cứ cà tạch cà tang cũng như những chuyến xe đò khác, hết tấp nôi này lại đến nơi khác. Cho dầu tôi có muốn nhanh đi nữa thì cũng chẳng được.

Khi chuyển xe này đến Cai lậy, thì có một vị cảnh sát chặn xe lại. Lần này ông cảnh sát không phải chặn xe lại để kiểm tra căn cước mà xin cho mẹ con người tị nạn vì chiến tranh “quá giang”. Tôi phóng mắt nhìn ra ngoài xa phía về đồng ruộng, xa xa khói bốc mịt mù. Những đám khói đen từng cụm bốc lên, chiếm cả một khoảng đen của vùng trời xanh. Nó không phải là những đám khói củi than nấu cơm buổi chiều an lành trong làng quê mà là những đám khói phối hợp với những chiếc trực thăng nòng nọc, cùng với các chiến đấu cơ vây quanh trên nền trời khói lửa, khói của bom đạn, khói của chiến tranh đang bùng nổ. Những phi đạn từ trên những chiếc trực thăng liên tục phóng ra cùng với những tiếng bom từ nòng đại bác bắn ào ạt mà tôi vẫn nghe được vọng vẳng ngoài xa. Chiến tranh đang hồi kịch liệt. Cái giấc ngủ gật gà gật giường của tôi lúc này thì giờ đã tỉnh hẳn.

Tôi quay lại và lặng lẽ nhìn thấy một mẹ già độ khoảng bốn mươi hay gần năm mươi, nhưng có lẽ bà đã già đi trước tuổi bởi lẽ đàn con bà vẫn còn nheo nhóc. Bà với đàn con nheo nhóc nhỏ dại nặng nề bước lên xe và ở cùng băng sau với tôi. Tôi nhường chỗ ngồi không thích thú này cho bà ta vì không còn chỗ nào khả dĩ để ngồi kể cả cái ghế “xúp”. Thôi thì đành đứng vậy!

Cả bốn mẹ con nhét vào một góc ngồi nhỏ hẹp. Một đứa bé nhỏ nhất độ khoảng ba tuổi hầy còn trong vòng tay mẹ vô tư lự vẫn cười vui hí ha hí hờn với anh chị nó. Bà mẹ già thiếu não, mất hết nghị lực và lòng tin, đôi mắt buồn rử rượi lại đỏ hoe, không biết vì khói súng hay khóc hận cho cuộc đời vận rủi (?). Đôi mắt thất thần kia, cộng với sự

lo âu và sợ sệt, và đầu tóc rối bời làm cho lòng tôi se thắt. Hồn phách của bà ta không còn nữa mà chỉ còn sự kinh hải với những trận bom dội xối xả, những tiếng súng điếc người, với những đám cháy tràn lan ruộng vườn, với những xác chết đầy máu tươi tưới xuống đồng lúa xanh mượt.

Hai đứa con - chị của đứa bé nhỏ nhất khoảng năm, sáu tuổi, đứng tựa cằm vào chiếc ghế xe ở băng trước, mắt thì lơ ngơ ngác, đầu tóc bù xòa, dường như sợ hãi một cái gì, hay hầy còn bị sự ám ảnh của trận giặc. Nó nhìn dáo dác, không còn lanh lợi, hoạt bát như những đứa bé được sống yên ổn khác. Thành con trai, có lẽ lớn nhất trong các em; nó độ khoảng chín, mười tuổi đầu, hai chân để cả lên ghế ngồi, nó ngồi chồm hồm, tay bụm đầu, đôi mắt đỏ hoe, thất thần, quần áo đầy cả bùn sinh. Gương mặt của nó thì nhăn nhó, biểu lộ bất mãn một sự gì; nó ngồi như mất hồn, hầu như nó không biết hiện giờ nó phải làm những gì, nó như bà mẹ nó, chỉ thừ ra như một khúc gỗ. Có lẽ họ đã phải trải qua một đêm dài kinh hoàng khi trận chiến bắt đầu nổ tung. Có lẽ họ phải dẫn dắt nhau suốt cả đêm dài mà chạy bán mạng cho đến con lộ xe này. Xác của họ tuy đã được trên xe hành khách này, nhưng hình như hồn của họ vẫn còn trong cơn ác mộng hãi hùng. Trông mà tội nghiệp!

Cái đoạn đường từ Sadec đến Sài Gòn, nó nói dài thì cũng không dài, nói ngắn thì nó cũng không ngắn, phải hết bốn, năm tiếng đồng hồ mới đến nơi đến chốn. Trong khoảng thời gian dài như thế này, cái đầu của tôi sao cứ suy nghĩ vu vơ. Tôi cố gắng đi tìm cái chân lý của chiến tranh vô duyên này. Nó không phải chiến tranh chống lại ngoại

xâm, mà là máu thịt tương tàn. Rồi tôi tự hỏi ai sẽ là kẻ chiếm lợi lộc trong cuộc chiến tranh vô lý này.

Tôi quay mắt lại mẹ con người tị nạn, tôi tìm không thấy người đàn ông nào trong gia đình họ. Tự nhiên tôi tự đặt câu hỏi cho chính mình, thế còn cha của những đứa trẻ kia hiện giờ ở đâu? Chẳng lẽ đã bỏ thân trong đám bom kia? Hay chỉ vì một viên đạn AK54 vô tình? Tôi không dám tiếp tục nghĩ thêm ... mà để cho lòng nặng trĩu trôi đi.

Ai đã cướp đoạt sự an vui của mẹ già? Ai đã cướp đoạt tuổi ấu thơ, vui đùa, hồn nhiên vô tư lự của những đứa bé? Đâu còn là ruộng lúa đồng khoai? Đâu còn là những buổi cơm chiều an nhàn thơm mùi khói củi? Có phải chiến tranh đã cướp đoạt đi những gì rất đơn giản mà họ có? Hay những kẻ mang danh vì lý tưởng chủ nghĩa mà để cho những kẻ dân hèn phải chịu đầy thống khổ? Đã hơn hai mươi năm, hai mươi năm không một ngày đất nước thanh bình, an lạc.

“Chiến tranh đã hủy diệt tình thương. Chiến tranh đã cướp đi sự yên vui và hạnh phúc của con người.”

Chiếc xe đồ chở đầy hành khách cứ cà tịch cà tang rồi cũng đến bến xe xa cảng miền Tây, Sài Gòn. Tôi vốn vẹn chỉ còn hai tờ “Trần Hưng Đạo” trong túi, mà cái nghề phát báo hằng đêm của tôi cũng không còn. Chỉ nhờ hai tờ 500 này để cho qua tháng khác. Tôi không nghĩ gì cả chỉ vội ví cho bà ta năm trăm đồng, mặc kệ, tới đâu hay tới đó. Số tiền quá ít ỏi so với lòng thương hại của mình với sự thất thoát của bà ta. Đôi mắt bà mẹ già rực sáng lên so với lúc nãy, tôi cũng

biết rằng số tiền chẳng thấm thía vào đâu so với sự bỏ chạy hoảng hốt, bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn với đồng tro tàn của bà. Và mẹ con bà sẽ nương tựa vào đâu nơi chốn phồn hoa đô thị này. Nhưng dầu sao “có còn hơn không”. Bà lập cập cảm ơn, chứ không còn biết nói gì hơn khi những sợi dây thần kinh của bà căng thẳng đến mức cùng cực. Còn tôi thì vội vã bước xuống xe quạnh gánh suy tư. Tôi chỉ mong tôi có thể gầy dựng lại niềm tin, và tình thương đồng bào cho bà ta để bà còn tiếp tục sống với những chuỗi ngày cùng với các con nhỏ dại. Hãy xoa dịu vết thương đau của bà với khả năng mình có thể.

Trương Văn Tú

Thứ Năm, ngày 23 tháng 5, 1974

Trương Văn Tú

Vội Tiền Em Đi

Trời đã khuya, cái lạnh về đêm làm anh ớn lạnh. Anh vội mặc cái áo thun cao cổ cho giảm bớt cái lạnh đêm khuya.

Không ngủ được, không biết có phải ly café đắng lười lúc nãy làm anh không ngủ được không? Càng về khuya, sương đêm lạnh hạt

càng xuống nhiều; anh vẫn ngồi đó, ngoài balcon để nhìn ánh trăng. Trăng 20 thế mà nó vẫn sáng vằng vặc, chỉ tội nó hơi méo đi không tròn như đêm 15 nữa. Đường phố vắng hoe, chốc chốc lại có tiếng xe ô tô vội vã hấp tấp, đi hay về anh không biết được. Gục đầu xuống lan can, anh cố nhắm mắt lại nhưng không được. Cặp mắt của anh nó không vâng lời anh.

Thế rồi, anh lại nhớ! Anh nhớ đêm cuối cùng (?), trên chiếc xe đạp, tóc em bay phát phơ bởi ngọn gió lửa, dang dít vào mặt anh. Không nói một lời, anh yên lặng, lắng nghe mùi thơm của từng ngọn tóc. Hãy để như thế, và hãy để nguyên như thế. Nếu không anh sẽ không còn nhớ những gì em đã mang đến cho anh. Ơi! ngọn tóc nghiệt ngã kia sao nó xiết chặt tim anh đau đớn quá. Anh lại nhớ một đoạn thơ của một nhà thi sĩ, không nhớ rõ là ai, mà cũng không nhớ rõ anh đã đọc ở đâu, hay ai đã đọc cho anh nghe. Câu thơ đó như thế này:

*“ Tóc mai sợi ngắn, sợi dài,
Lấy em chẳng đặt, thương hoài ngàn năm.”*

Nhưng có lẽ anh phải viết lại như thế này

*“Tóc mai sợi ngắn, sợi dài,”
Xiết tim anh chặt, van ai gỡ dùm
Gỡ đi sợi tóc của nàng,
Cho hương nó loãng, cho tình ta bay.
Sao mà tóc ấy trong ta,
Cứ sao xiết mãi tim ta muôn đời.*

Buồn quá, anh trở lên gác lấy vội điều thuốc rồi châm lửa. Ánh lửa của diêm quẹt bùng lên cùng lúc mùi diêm sinh kéo nhau vào buồng phổi; buồng phổi bắt buộc lại phải làm việc mạnh hơn. Rít một hơi thật mạnh, rồi lại lần xuống lầu thang trở về balcon. Một cách nặng nề anh đặt mình xuống ghế. Chiếc ghế không chỗ tựa lưng, chỉ đành phải tựa vào vách tường, cái vách tường nhám xít. Từng làn khói thuốc trắng nhạt bay từ lỗ họng bay ra, chốc chốc làn khói lại bị đánh bật đi một cách nhanh chóng bởi gió lạnh đêm khuya; nếu không thì nó vẫn ẻo lã như chiếc áo dài trắng tinh của em phát phơ trong gió.

Điều thuốc sao mà tàn nhanh thế? Cũng như cuộc tình cũng chúng ta sao? Hãy chậm lại, từ từ đã, hãy đợi anh đi trước khi sương mù còn phủ kín, trước khi vầng thái dương loé lên một tia sáng trên cõi đời này. Để anh phải khỏi nhìn thấy trong sương mù đó là những sự lọc lừa, xảo trá.

Tàn thuốc bị dụi tắt bởi hai ngón tay bé nhỏ của người. Khói lên nhiều trong phút chốc rồi tắt lịm đi, chỉ để lại tàn thuốc đen khét lẹt. Cái màu đen, đen hơn cả bầu trời hiện hữu. Sương xuống nhiều, làm anh lạnh hơn; anh vội bước lên gác. Hai chân bây giờ tê tái, chắc có lẽ ngồi lâu quá Tê thì tê thật, nhưng không bao giờ bằng cái tê, cái tái trong con tim anh. Anh muốn hát cho vơi nỗi buồn; chiếc guitar trên tay, cái bản nhạc “Tình Như Mây Khói” kia, nhưng sao anh không khởi phiếm được. Một cách mệt nhọc, anh đặt mình lên giường; bây giờ anh mới biết run vì cái lạnh, đầu nặng trĩu.....

Trương Văn Tú (Lăng Nhai)

05 Tháng 11, 1974

Nguồn: Tác giả/ VNthuquan - Thư viện Online
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 4 tháng 7 năm 2009